

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲ CHÂU  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 13/01/2023

*“Tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ CHÂU – TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Văn Đông

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Bà Lô Thị Hà.

2/ Ông Phan Bá Lịch.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vi Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Trần Hoàng Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 91/2022/TLST – HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Hoàng Thị H**, sinh năm 1985.

Trú tại: Bản ĐC, xã CB, huyện QC, tỉnh Nghệ An. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Xuân T**, sinh năm 1980.

Trú tại: Bản ĐC, xã CB, huyện QC, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 21/7/2022 và qua lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Hoàng Thị H trình bày:

Chị Hoàng Thị H và anh Trần Xuân T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, cho đến lúc chị H khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn giữa hai bên không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị H và anh T chung sống hạnh phúc một thời gian thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách hai bên không hòa hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, cuộc sống chung không có

hạnh phúc, luôn trong tình trạng căng thẳng, chị H và anh T không còn sống chung từ tháng 7 năm 2021 đến nay, chị H thấy rằng giữa hai bên không còn tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Trần Xuân T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau, chị H và anh T có 02 người con chung là Trần Xuân Q, sinh ngày 04/5/2002 và Trần Hà A, sinh ngày 15/10/2011. Người con đầu Trần Xuân Q đã trên 18 tuổi, trưởng thành chị H không yêu cầu giao nuôi, đề nghị giao người con thứ hai chưa đủ 18 tuổi, trưởng thành Trần Hà A cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong đơn khởi kiện và lời khai ban đầu chị H yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khối tài sản chung được tạo lập trong thời gian chung sống với anh T gồm 02 thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 01 căn nhà cấp 4, tuy nhiên trước khi vụ án được đưa ra xét xử chị H có đơn tự nguyện xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của mình đối với yêu cầu chia tài sản chung.

- Bị đơn anh Trần Xuân T: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện cùng giấy triệu tập theo quy định nhưng không thực hiện được, qua xác minh do anh T không có mặt tại địa phương, quá trình xác minh tại nơi cư trú xác định bố, mẹ đẻ anh T đã chết, hiện chỉ có anh trai ruột của anh T là ông Trần Xuân B sinh sống tại địa phương, tuy nhiên quá trình làm việc ông B từ chối không hợp tác làm việc. Trước khi nộp đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có liên lạc qua điện thoại thông báo cho anh T biết việc mình khởi kiện, yêu cầu anh T có mặt để tham gia giải quyết vụ án nhưng anh T không có mặt, cố tình giấu địa chỉ không cung cấp cho bị đơn và Tòa án biết nơi mình hiện đang sinh sống, làm việc để tiến hành tổng đạt giấy tờ, lấy lời khai theo quy định.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp tại phiên tòa:

Qua kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thủ tục tố tụng tiến hành tại phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có mặt tham gia giải quyết vụ việc theo giấy triệu tập, tuân thủ đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn cố tình giấu địa chỉ, vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án không có lý do, không chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định, đã được niêm yết các văn bản tố tụng, giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định nhưng vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần thứ hai không có lý do, cần áp dụng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 14; 15; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; 35; 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều

238; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, để xét xử.

Không công nhận chị Hoàng Thị H và anh Trần Xuân T là vợ chồng.

Giao con chung Trần Hà A, sinh ngày 15/10/2011 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Trần Xuân T, bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Trước khi vụ án được đưa ra xét xử nguyên đơn đã tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu là tự nguyện và hợp pháp nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần yêu cầu chia tài sản chung, không không tiếp tục xem xét, giải quyết.

Buộc nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hoàng Thị H và anh Trần Xuân T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định, nay chị H có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn đối với anh T, đề nghị giao người con thứ hai chưa thành niên cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị H không yêu cầu buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, trước khi vụ án được đưa ra xét xử chị H tự nguyện rút phần yêu cầu chia tài sản chung giữa hai bên. Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình và khoản 7 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”.

Bị đơn anh Trần Xuân T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở xóm ĐC, xã CB, huyện QC, tỉnh Nghệ An, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện QC, tỉnh Nghệ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đã được niêm yết thông báo, bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ về việc nguyên đơn có đơn khởi kiện xin ly hôn theo quy định nhưng không có mặt để tham gia giải quyết vụ án, cố tình vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải và làm việc tại Tòa án, quá trình giải quyết vụ án không cung cấp địa chỉ nơi cư trú, làm việc hiện tại cho bị đơn và Tòa án được biết để liên hệ giải quyết vụ án, nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình xác minh giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn, nhưng bị đơn cố tình giấu địa chỉ, không có mặt tham gia giải quyết vụ án theo quy định, căn cứ vào hướng dẫn của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án vẫn tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục chung, do đó xem xét áp dụng Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bị đơn. Trước khi vụ án được đưa ra xét xử nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng tại phiên tòa theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Trần Xuân T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 cho đến khi sống ly thân vào tháng 7 năm 2021, hai bên đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định, không thuộc trường hợp cấm đăng ký kết hôn nhưng hai bên không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa hai bên không hợp pháp.

Sau một thời gian sống chung hạnh phúc, giữa chị H và anh T bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H trình bày, do hai bên không có tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày, dẫn đến thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, va chạm, cuộc sống không có hạnh phúc, đến tháng 7 năm 2021 anh T bỏ nhà đi làm ăn xa, tuy có liên lạc về gia đình nhưng không cung cấp địa chỉ nơi mình hiện đang làm việc, sinh sống, đến nay chị H xác định không còn tình cảm với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Qua xem xét tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ, cũng như lời khai của nguyên đơn và xác minh tại địa phương cho thấy, giữa hai bên có mâu thuẫn xảy ra, đã sống ly thân kể từ tháng 7 năm 2021, trong thời gian ly thân không có sự quan tâm hay nỗ lực hàn gắn tình cảm, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên ý kiến yêu cầu giải quyết ly hôn. Xét thấy, chị Hoàng Thị H và anh Trần Xuân T đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định, không thuộc trường hợp cấm đăng ký kết hôn nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định, do đó căn cứ vào quy định của pháp luật cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị H và anh Trần Xuân T.

[3] Về con chung: Sau khi anh Trần Xuân T bỏ nhà đi làm ăn xa từ tháng 7 năm 2021, các con chung do chị Hoàng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng. Đối với người con đầu Trần Xuân Q, sinh ngày 04/5/2002 đã trên 18 tuổi, trưởng thành và tự lập, quá trình giải quyết vụ án chị H yêu cầu giao người con chưa thành niên Trần Hà A, sinh ngày 15/10/2011 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, nguyện vọng của cháu Trần Hà A cũng mong muốn được sống cùng chị H, anh T hiện không rõ địa chỉ nơi đang cư trú, sinh sống do đó cần xem xét giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh

Trần Xuân T là hợp lý. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Trong thời gian giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, nếu anh T nhận thấy chị H không đủ điều kiện, khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 84 luật Hôn nhân và Gia đình, anh T có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi lại người trực tiếp nuôi con bằng một vụ án khác theo quy định.

[5] Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị H tự nguyện rút yêu cầu đối với phần chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết trước khi vụ án được đưa ra xét xử, căn cứ vào khoản 2 Điều 71 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn có quyền rút một phần yêu cầu khởi kiện trong quá trình giải quyết vụ án, việc rút yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện và hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản chung.

Sau này chị Hoàng Thị H có quyền yêu cầu giải quyết đối với phần tài sản chung theo quy định của pháp luật tại một vụ án khác nếu có tranh chấp và có yêu cầu khởi kiện.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các Điều 14; 15; 81; 82 và 83 luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không công nhận chị Hoàng Thị H và anh Trần Xuân T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Hà A, sinh ngày 15/10/2011 cho chị Hoàng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Trần Xuân T.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ trong số tiền 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí. Trả lại cho chị Hoàng Thị H 6.200.000 đồng (Sáu triệu hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí còn lại đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0006440 ngày 21/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh Châu;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Châu;
- UBND xã CB, huyện QC, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký)*

**Hà Văn Đông**